

22/06/2023

 Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng
 tungna@kbsec.com.vn

1Q2023, LNTT đạt 2,383 tỷ VND, tăng 49.9% YoY

1Q2023, STB có thu nhập lãi thuần đạt 5,837 tỷ VND (-3.4% QoQ, +113.1% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 964 tỷ VND (-46.1% QoQ, -59.6% YoY) khiến TOI đạt 6,800 tỷ VND (-13.2% QoQ, +32.7% YoY). Chi phí trích lập dự phòng duy trì mức vừa phải, đạt 1,002 tỷ VND (-69.5% QoQ, +42.2% YoY) khiến LNTT đạt 2,383 tỷ VND (+25.5% QoQ, +49.9% YoY).

Tăng trưởng tín dụng kế hoạch 2023 là 12.1%

Tăng trưởng tín dụng của STB trong 1Q2023 đạt 2.1%, hoàn thành 17.3% Ytd so với kế hoạch đề ra trong ĐHCĐ là ~ 12.1% cho cả năm 2023. KBSV đánh giá STB có đủ khả năng hoàn thành kế hoạch dựa trên: (1) Các động thái giảm lãi suất điều hành (2) Thanh khoản được cải thiện nhờ tăng trưởng huy động thị trường 1 ở mức cao trong 1Q2023.

Trích lập 100% giá trị trái phiếu VAMC trong năm 2023 là kế hoạch khả thi

Tại đại hội cổ đông thường niên 2023, STB cho biết sẽ cố gắng trích lập 100% giá trị trái phiếu VAMC trong năm nay. Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt hơn so với mặt bằng chung thị trường, áp lực trích lập vừa phải tạo cho STB có đủ dư địa lợi nhuận để thực hiện trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 35,300 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu STB. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 35,300VND/cp, cao hơn 17.8% so với giá tại ngày 22/06/2023.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu VND35,300

Tăng/Giảm	17.8%
Giá hiện tại (26/06/2023)	VND30,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND36,152
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND/tỷ USD)	56,556/2.44

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	93.37
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	470.8/19.9
Sở hữu nước ngoài (%)	26.02
Cơ cấu cổ đông	Nhóm quỹ ngoại Dragon Capital (6.0%)

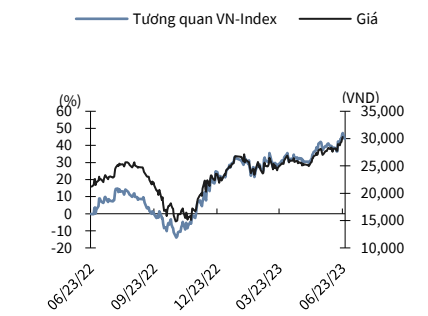
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	11	35	39
Tương đối	2	6	20	44

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	11,964	17,147	22,984	24,105
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	7,954	15,221	18,314	19,559
LNST (tỷ VND)	3,411	5,041	7,129	12,425
EPS (VND)	1,810	2,674	3,782	6,591
Tăng trưởng EPS (%)	27%	48%	41%	74%
PER (x)	16.6	11.2	7.9	4.6
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	18,174	20,489	24,271	30,863
PBR (x)	1.65	1.46	1.24	0.97
ROE (%)	10.8%	13.8%	16.9%	23.9%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Hoạt động kinh doanh

1Q2023, LNTT đạt 2,383 tỷ VND, tăng 49.9% YoY

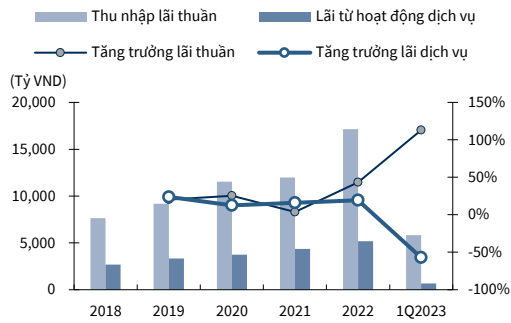
1Q2023, STB có thu nhập lãi thuần đạt 5,837 tỷ VND (-3.4% QoQ, +113.1% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 964 tỷ VND (-46.1% QoQ, -59.6% YoY) khiến TOI đạt 6,800 tỷ VND (-13.2% QoQ, +32.7% YoY). Chi phí trích lập dự phòng duy trì mức vừa phải, đạt 1,002 tỷ VND (-69.5% QoQ, +42.2% YoY) khiến LNTT đạt 2,383 tỷ VND (+25.5% QoQ, +49.9% YoY).

Bảng 1. Cập nhật KQKD

(Tỷ VND)	1Q2022	4Q2022	1Q2023	+/-%QoQ	+/-%YoY	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	2,739	6,043	5,837	-3.4%	113.1%	Thu nhập lãi thuần tăng mạnh so với cùng kỳ nhờ mức nền thấp trong năm 1Q2022 do NIM thấp trong giai đoạn này.
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1,536	886	658	-25.7%	-57.1%	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ giảm đến từ suy giảm thu nhập phí bảo hiểm cùng với việc không ghi nhận khoản upfront fee như trong 1Q2022.
Thu khác từ hoạt động ngoài lãi	850	903	305	-66.2%	-64.1%	Lãi thuần từ hoạt động khác giảm 94.6% YoY do tốc độ thu hồi nợ xấu đã xử lý thấp cùng với việc không ghi nhận thanh lý tài sản cố định. Cùng với đó, Lãi từ hoạt động FX đạt 258 tỷ VND, giảm 13.3% YoY.
Tổng thu nhập hoạt động	5,125	7,833	6,800	-13.2%	32.7%	
Chi phí hoạt động	(2,832)	(2,646)	(3,416)	29.1%	20.6%	
LN thuần trước CF dự phòng rủi ro tín dụng	2,293	5,187	3,384	-34.8%	47.6%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(705)	(3,288)	(1,002)	-69.5%	42.2%	Trong kỳ, STB đẩy trích lập dự phòng cho trái phiếu VAMC ước tính khoảng 1,076 tỷ VND trong khi đó phân trích lập ròng cho dư nợ tín dụng hiện tại là âm 61 tỷ VND.
Lợi nhuận sau thuế	1,274	1,751	1,900	8.5%	49.1%	
Tăng trưởng tín dụng	0.3%	3.9%	2.1%	-6.4 ppts	-2.8 ppts	Tăng trưởng cho vay khách hàng đạt 2.2% QoQ với động lực từ nhóm SME trong khi dư nợ trái phiếu doanh nghiệp không có biến động.
Tăng trưởng huy động	6.8%	11.7%	2.0%	-9.7 ppts	-4.8 ppts	Tăng trưởng huy động khách hàng tăng 5.3% YoY, cao hơn trung bình toàn ngành đạt khoảng 3.7%. Trong khi đó các khoản huy động từ thị trường 2 có sự điều chỉnh giảm.
NIM	2.19%	3.29%	4.12%	83 bps	193 bps	NIM tăng 83bps QoQ, là ngân hàng có mức tăng trưởng NIM tốt thứ 2 hệ thống sau SHB (+95bps QoQ), chủ yếu nhờ lãi suất cho vay bình quân tăng mạnh hơn so với lãi suất đầu vào.
Lãi suất đầu ra bình quân	5.98%	7.16%	9.81%	264 bps	382 bps	
Lãi suất đầu vào bình quân	3.96%	4.12%	6.16%	204 bps	219 bps	
CIR	55.3%	33.8%	50.2%	16.4 ppts	-5 ppts	
NPL	1.28%	0.98%	1.19%	21 bps	-9 bps	Nợ xấu tăng chủ yếu từ nợ nhóm 3 (+18bps QoQ). STB là ngân hàng hiếm hoi có nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 (-31bps QoQ) nhờ số dư nợ bất động sản thấp (10% cho vay cá nhân và 3% cho vay dự án)

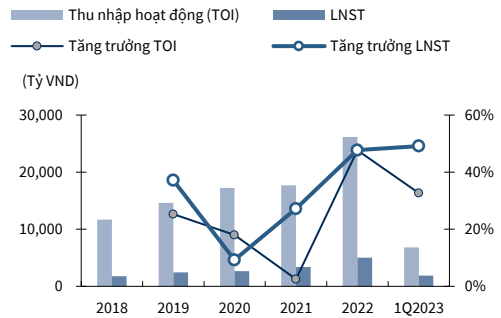
Nguồn: STB, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ 2018-2023 (YoY)



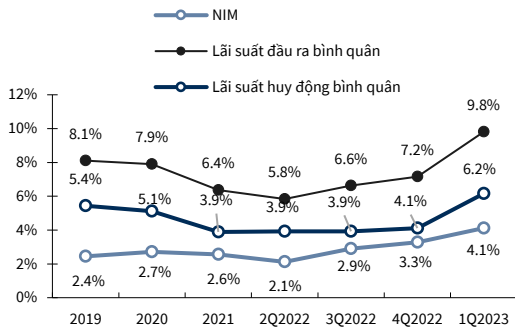
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 3. Tăng trưởng thu nhập hoạt động và LNST 2018-2023 (YoY)



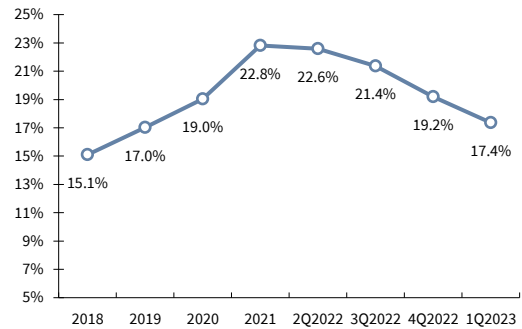
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 4. Biến động lãi suất - NIM giai đoạn 2018-2023



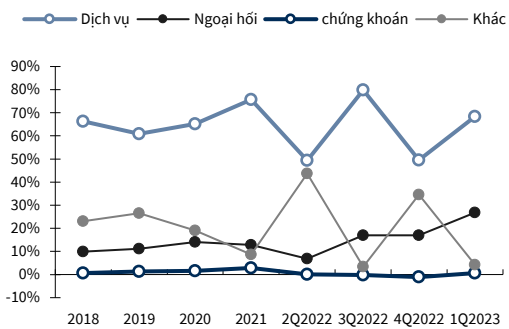
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 5. Tỷ lệ CASA của STB giai đoạn 2018-2023



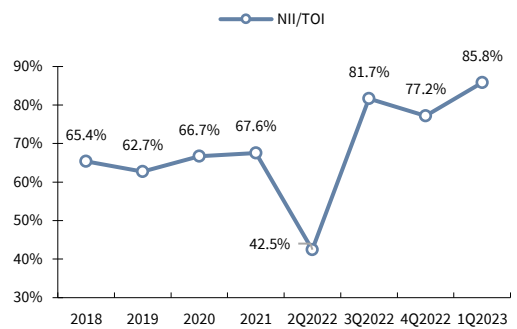
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 6. Cơ cấu thu nhập ngoài lãi 2018-2023



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 7. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/thu nhập hoạt động 2018-2023

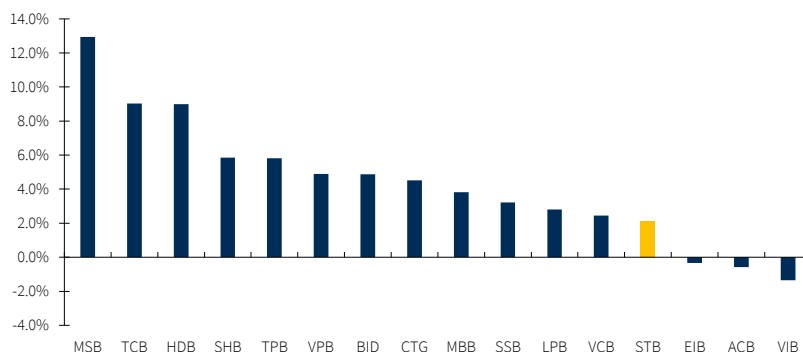


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Tăng trưởng tín dụng kế hoạch 2023 là 12.1%

Tăng trưởng tín dụng của STB trong 1Q2023 đạt 2.1%, hoàn thành 17.3% so với kế hoạch đề ra trong ĐHCĐ là ~ 12.1% cho cả năm 2023. KBSV đánh giá STB có đủ khả năng hoàn thành kế hoạch đề ra dựa trên: (1) Các động thái giảm lãi suất điều hành để kéo nền lãi suất cho vay xuống thấp, qua đó cải thiện nhu cầu tín dụng. (2) Thanh khoản được cải thiện nhờ tăng trưởng huy động thị trường 1 ở mức cao trong 1Q2023. STB hiện nằm trong nhóm ngân hàng có tỷ lệ LDR thị trường 1 thấp, đạt 90%, chỉ cao hơn VCB và EIB.

Biểu đồ 8. Tăng trưởng tín dụng các ngân hàng 1Q2023 (Ytd)

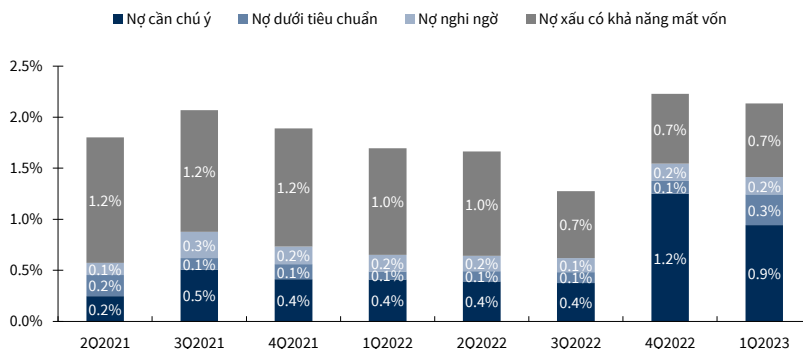


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Trích lập 100% giá trị trái phiếu VAMC trong năm 2023 là kế hoạch khả thi

Tỷ lệ nợ xấu 1Q2023 của STB đạt 1.19% (+21 bps QoQ), nằm trong nhóm có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất, chỉ cao hơn ACB, TCB và VCB. Bên cạnh đó, STB là ngân hàng hiếm hoi có nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 đạt 0.94% (-31bps QoQ) qua đó giảm đáng kể áp lực trích lập nợ xấu trong phần còn lại của năm. Tại đại hội cổ đông thường niên 2023, STB cho biết sẽ cố gắng trích lập 100% giá trị trái phiếu VAMC trong năm nay. Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt hơn so với mặt bằng chung thị trường, áp lực trích lập vừa phải tạo cho STB có đủ dư địa lợi nhuận để thực hiện trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra.

Biểu đồ 9. Cơ cấu nợ xấu & nợ cần chú ý của STB giai đoạn 2021-2023



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 10. Tương quan nợ xấu & nợ nhóm 2 các ngân hàng trong hệ thống

	% Nợ xấu	QoQ	% Nợ nhóm 2	QoQ	Trích lập (tỷ VND)	LLCR
VIB	3.64%	1.19%	5.43%	1.05%	-3,173	38.0%
MBB	1.76%	0.66%	3.46%	1.77%	-11,687	138.3%
TPB	1.45%	0.60%	4.02%	2.10%	-2,094	83.9%
VPB	6.24%	0.51%	8.22%	2.78%	-13,323	46.0%
BID	1.55%	0.39%	2.32%	0.64%	-42,359	171.3%
MSB	2.02%	0.32%	3.17%	1.81%	-1,805	65.2%
SHB	2.83%	0.31%	1.98%	1.01%	-8,409	72.7%
ACB	0.97%	0.24%	0.88%	0.31%	-4,668	116.6%
STB	1.19%	0.21%	0.94%	-0.31%	-5,547	103.8%
HDB	1.85%	0.18%	3.21%	0.41%	-3,290	61.8%
VCB	0.85%	0.16%	0.64%	0.29%	-31,894	320.8%
CTG	1.28%	0.04%	2.67%	0.32%	-29,470	173.0%
LPB	1.45%	0.00%	1.99%	0.48%	-3,911	111.1%
TCB	0.85%	-0.06%	1.92%	-0.15%	-5,280	133.8%
EIB	2.12%	-0.21%	1.46%	-0.26%	-319	74.0%
Tổng	1.74%		2.51%		-167,229	122.2%

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Dự phóng kết quả kinh doanh

Bảng 11. Dự phóng KQKD 2023 -2024

(Tỷ VND)	2022	2023F	+/-%YoY	2024F	+/-%YoY	Chú thích
Thu nhập lãi thuần	17,147	22,984	34.0%	24,105	4.9%	Dự phóng dựa trên giữ nguyên giả định tăng trưởng tín dụng 2023 đạt 12%.
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5,194	5,165	-0.6%	5,956	15.3%	Kỳ vọng lãi từ hoạt động dịch vụ sẽ có cải thiện trong 2H2023 đi cùng với sự hồi phục của tăng trưởng tín dụng.
Tổng thu nhập hoạt động	26,141	30,522	16.8%	32,599	6.8%	
Chi phí trích lập dự phòng	(8,882)	(9,402)	5.9%	(4,028)	-57.2%	Giả định STB trích lập toàn bộ cho phần trái phiếu VAMC còn lại, cùng với đó là chất lượng tài sản phần nào bị ảnh hưởng bởi diễn biến tiêu cực chung của nền kinh tế.
Lợi nhuận sau thuế	5,041	7,129	41.4%	12,425	74.3%	
NIM	3.29%	3.96%	67bps	3.74%	-22bps	Kỳ vọng NIM vẫn duy trì mức cao so với 2022 nhưng giảm nhẹ so với 1Q2023 do giảm lãi suất cho vay để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng
Lãi suất đầu ra bình quân	7.16%	9.28%	212bps	8.54%	-74bps	
Lãi suất đầu vào bình quân	4.12%	5.80%	168bps	5.29%	-51bps	
CIR	41.8%	40.0%	-178bps	40.0%	0bps	
NPL	0.98%	1.10%	12bps	1.10%	0bps	
Tổng tài sản	591,908	618,832	4.5%	707,821	14.4%	
Vốn chủ sở hữu	38,627	45,757	18.5%	58,183	27.2%	

Nguồn: KBSV

Định giá – Khuyến nghị MUA, giá 35,300 đồng/cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu STB.

(1) Phương pháp định giá P/B

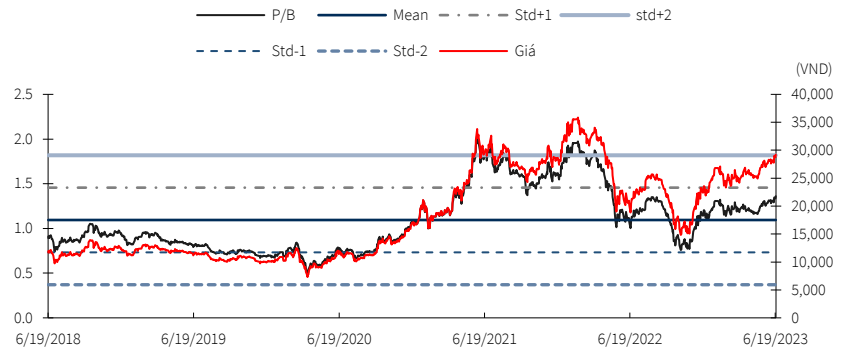
Chúng tôi duy trì mức P/B dự phóng 2023 ở mức 1.1x tương đương trung bình P/B 5 năm của STB

(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Bảng 14)

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối cùng cho cổ phiếu STB cho năm 2023 là 35,300 đồng/cổ phiếu, cao hơn 17.8% so với giá ngày 22/6/2023. Một số rủi ro ảnh hưởng có thể ảnh hưởng đến định giá của chúng tôi bao gồm: (1) Nợ xấu tăng cao khiến trích lập dự phòng cao hơn kỳ vọng; (2) Tăng trưởng tín dụng không đạt mục tiêu do ảnh hưởng chung của nền kinh tế.

Biểu đồ 12. Chỉ số P/B của STB giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Fiinpro, KBSV

Bảng 13. Cổ phiếu STB – Định giá 2023 phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ VND	2023F	2024F	2025F
Lợi nhuận sau thuế	7,129	12,425	14,534
Lợi nhuận thặng dư	1,453	5,701	5,983
Chi phí vốn (r)	14.7%		
Tăng trưởng (g)	5.0%		
Giá trị cuối cùng	17,571		
Giá trị hợp lý cuối 2023	82,960		
Giá trị cổ phiếu STB	44,005		

Nguồn: KBSV

Bảng 14. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu (Tỷ VND)

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	26,699	50%	13,349
Lợi nhuận thặng dư	44,005	50%	22,003
Giá mục tiêu			35,300

Nguồn: KBSV

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB) – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2020A-2024F

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

(Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần	11,527	11,964	17,147	22,984	24,105
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	33,588	29,691	37,391	53,928	55,123
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(22,061)	(17,726)	(20,244)	(30,944)	(31,018)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	3,744	4,343	5,194	5,165	5,956
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	1,124	457	2,745	1,231	1,303
Tổng thu nhập hoạt động	17,271	17,704	26,141	30,522	32,599
Chi phí hoạt động	(10,895)	(9,750)	(10,921)	(12,209)	(13,040)
LN thuần trước CF DPRRTD	6,376	7,954	15,221	18,314	19,559
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3,037)	(3,554)	(8,882)	(9,402)	(4,028)
Thu nhập khác	1,181	865	2,874	1,776	1,880
Chi phí khác	(57)	(408)	(129)	(546)	(578)
Tổng lợi nhuận trước thuế	3,339	4,400	6,339	8,912	15,531
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(657)	(989)	(1,298)	(1,782)	(3,106)
LNST	2,682	3,411	5,041	7,129	12,425
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	2,682	3,411	5,041	7,130	12,426

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F	2024F
Cho vay khách hàng	334,855	381,012	432,998	485,661	557,889
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	7,679	8,222	7,850	8,966	10,311
Tài sản có sinh lời	448,268	484,151	559,656	602,570	687,660
Tài sản cố định và tài sản khác	46,056	41,503	44,467	34,285	38,303
Tổng tài sản	492,516	521,117	591,908	618,832	707,821
Tiền gửi của khách hàng	427,972	427,387	454,740	491,263	564,953
Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	11,374	21,491	26,060	32,260	36,549
Các khoản nợ chịu lãi	447,369	464,629	519,132	548,123	624,142
Các khoản nợ khác	16,191	22,226	34,148	24,952	25,496
Tổng nợ phải trả	463,560	486,856	553,281	573,076	649,638
Vốn điều lệ	18,852	18,852	18,852	18,852	18,852
Thặng dư vốn cổ phần	64	1,748	1,748	1,748	1,748
Lợi nhuận chưa phân phối	7,304	9,907	13,972	21,101	33,527
Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	28,956	34,261	38,627	45,757	58,183

Chỉ số tài chính

(%)	2020	2021	2022	2023F	2024F
Khả năng sinh lời					
ROE	9.6%	10.8%	13.8%	16.9%	23.9%
ROA	0.6%	0.7%	0.9%	1.2%	1.9%
ROE trước dự phòng	18.4%	19.8%	33.3%	34.7%	30.1%
ROA trước dự phòng	1.1%	1.2%	2.2%	2.4%	2.4%
Biên lãi ròng (NIM)	2.7%	2.6%	3.3%	4.0%	3.7%
Hiệu quả hoạt động					
LDR thuần	79.5%	90.8%	96.5%	100.0%	100.0%
CIR	63.1%	55.1%	41.8%	40.0%	40.0%
Tốc độ tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng tài sản	8.6%	5.8%	13.6%	4.5%	14.4%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	14.7%	13.8%	13.6%	12.2%	14.9%
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	18.7%	24.8%	91.3%	20.3%	6.8%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	9.3%	27.2%	47.8%	41.4%	74.3%
Tăng trưởng EPS	9.3%	27.2%	47.8%	41.4%	74.3%
Tăng trưởng BVPS	8.3%	18.3%	12.7%	18.5%	27.2%

Định giá

(đồng, X, %)	2020	2021	2022	2023F	2024F
Chỉ số về giá					
EPS cơ bản	1,423	1,810	2,674	3,782	6,591
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	15,360	18,174	20,489	24,271	30,863
Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	13,329	16,223	18,867	22,865	29,472
Chỉ số định giá					
PER	21.1	16.6	11.2	7.9	4.6
PBR	2.0	1.7	1.5	1.2	1.0
Tỉ lệ cổ tức	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
ROE	9.6%	10.8%	13.8%	16.9%	23.9%
An toàn vốn					
Tỉ lệ an toàn vốn(CAR)	9.5%	9.9%	9.5%	>9%	>9%
Chất lượng tài sản					
NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	1.7%	1.5%	1.0%	1.1%	1.1%
Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	93.7%	118.6%	131.0%	103.7%	113.7%
SML (nợ xấu và nợ cà nhúy)	1.9%	1.9%	2.2%	2.5%	2.5%
Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	82.4%	94.7%	57.6%	45.6%	50.0%

Nguồn: Báo cáo công ty & KBSV

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

